|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học 2020-2021** | **MỤC TIÊU, MA TRẬN**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra đánh giá những kiến thức đã học về thành phần nhân văn của môi trường, các môi trường địa lí, châu Phi.

**2. Kĩ năng:**

- Kiểm tra các kĩ năng tư duy, so sánh, phân tích, tổng hợp

**3. Thái độ**

- Học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài, yêu thích môn học.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp theo lãnh thổ.

**\* Hình thức kiểm tra:** 50% trắc nghiệm, 50% tự luận

**II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Tổng** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| **Thành phần nhân văn của môi trường** | 1C  0.25đ |  |  |  |  |  | 1C  0.25đ |  | *2C*  *0.5đ* |
| **Các môi trường đới tự nhiên** | 3C  0.75đ |  | 4C  1đ | 1C  1đ |  | 1C  2đ | 1C  0.25đ |  | *10C*  *5đ* |
| **Châu Phi** | 4C  1đ | 1C  2đ | 4C  1đ |  |  |  | 2C  0.5đ |  | *11C*  *4.5đ* |
| *Tổng số câu*  *Tổng số điểm*  *Tỉ lệ %* | *Số câu: 9C*  *Số điểm: 4*  *40%* | | *Số câu: 9C*  *Số điểm: 3*  *30%* | | *Số câu:1C*  *Số điểm: 2*  *20%* | | *Số câu: 4C*  *Số điểm: 1*  *10%* | | *Tổng số câu:23*  *Tổng số điểm:10*  *100%* |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian: 45 phút**  **Ngày thi: 22/12/2020** |

**Mã đề: 701**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất trong phiếu kiểm tra.**

**Câu 1. Ranh giới của đới lạnh nằm trong khoảng nào sau đây?**

A. Từ hai vòng cực đến hai cực

B. Từ 500B đến cực Bắc

C. Từ 500N đến cực Nam

D. Từ hai chí tuyến đến hai cực

**Câu 2. Động vật nào sau đây điển hình cho đới lạnh có bộ lông không thấm nước?**

A. Gấu trắng B. Cáo bạc C. Tuần lộc D. Chim cánh cụt

**Câu 3. Dân số thế giới năm 2019 khoảng:**

A. 5,7 tỉ người B. 6,7 tỉ người C. 7,7 tỉ người D. 8,7 tỉ người

**Câu 4. Châu Phi là châu lục lớn thứ 3 trên thế giới, sau các châu lục nào sau đây?**

A. Châu Á và châu Âu B. Châu Âu và châu Mĩ

C. Châu Mĩ và châu Nam Cực D. Châu Á và châu Mĩ

**Câu 5. Nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ gia tăng dân sô tự nhiên của châu Á giảm nhưng dân số vẫn tăng?**

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển

B. Dân số châu Á đông, gia tăng tự nhiên vẫn còn cao

C. Tỉ lệ nữ nhiều hơn nam

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới

**Câu 6. Xa-ha-ra là hoang mạc thuộc châu lục nào sau đây?**

A. Châu Á B. Châu Mĩ C. Châu Phi D. Châu Đại Dương

**Câu 7. Ý nào sau đây *không* phải là đặc điểm tự nhiên của môi trường đới lạnh?**

A. Khí hậu rất lạnh B. Hoang mạc sỏi đá

C. Thực vật nghèo nàn D. Băng tuyết quanh năm

**Câu 8. Ở Việt Nam, các dân tộc ít người thuộc các tỉnh phía Bắc thường phân bố ở đâu?**

A. Vùng núi B. Vùng đồng bằng

C. Vùng ven biển D. Vùng thành thị

**Câu 9. Hoang mạc trên thế giới thường phân bố chủ yếu ở đâu?**

A. Dọc hai bên đường xích đạo

B. Dọc hai bên đường chí tuyến và giữa đại lục Á - Âu

C. Dọc hai bên vòng cực

D. Dọc theo đường xích đạo và đường vòng cực

**Câu 10. Nguyên nhân nào nào dẫn đến bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi?**

A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào các thành phố

B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn

C. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh

D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị

**Câu 11. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?**

A. 0,40C B. 0,70C C. 0,50C D. 0,60C

**Câu 12. Đặc điểm khí hậu của châu Phi là:**

A. Nóng và khô bậc nhất thế giới

B. Nóng và ẩm bậc nhất thế giới

C. Khô và lạnh bậc nhất thế giới

D. Lạnh và ẩm bậc nhất thế giới

**Câu 13. Sông nào dài nhất ở châu Phi?**

A. Sông Nin B. Sông Ni-giê

C. Sông Dăm-be-di D. Sông Công-gô

**Câu 14. Đường bờ biển châu Phi *không* có đặc điểm nào sau đây?**

A. Ít bán đảo và đảo B. Ít vịnh biển

C. Ít bị chia cắt D. Có nhiều bán đảo lớn

**Câu 15. Quốc gia nào sau đây ở châu Phi nổi tiếng với các kim tự tháp?**

A. Li-bi B. Ai-Cập C. Ma-rốc D. An-giê-ri

**Câu 16. Môi trường nào sau đây có diện tích lớn nhất ở châu Phi?**

A. Môi trường xích đạo ẩm B. Môi trường nhiệt đới

C. Môi trường hoang mạc D. Môi trường Địa Trung Hải

**Câu 17. Cây cà phê được trồng nhiều ở khu vực nào châu Phi?**

A. Các nước phía Tây và phía Đông

B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi

C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi

D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi

**Câu 18. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia châu Phi là:**

A. Mở rộng mô hình sản xuất.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

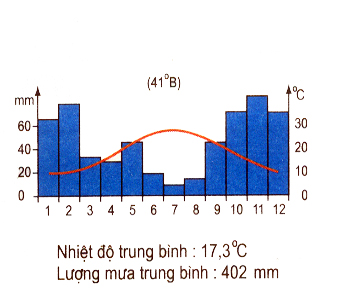
C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 19. Lệ phí qua kênh đào Xuy- ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của quốc gia nào sau đây?**

A. Ma-rốc B. Nam Phi C. Ai Cập D. Công-gô

**Câu 20. Biểu đồ khí hậu (Hình 1) thuộc môi trường nào sau đây?**

**Hình 1**

A. Môi trường nhiệt đới

B. Môi trường Địa Trung Hải

C. Môi trường ôn đới hải dương

D. Môi trường ôn đới lục địa

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1( 2 điểm):** Nêu đặc điểm địa hình và khoáng sản châu Phi?

**Câu 2 (1 điểm):** So sánh sự khác biệt giữa môi trường hoang mạc đới nóng và môi trường hoang mạc đới ôn hòa.

**Câu 3 (2 điểm):** Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới:

- Hoa Kì: 20 tấn/năm/ người

- Pháp: 6 tấn/năm/người

***Dựa vào các số liệu trên hãy:***

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp.

**b.** Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, biết dân của các nước như sau:

- Hoa Kì: 281421000 người

- Pháp: 59330000 người

***\*\*\* Chúc các con làm bài tốt\*\*\****

***(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay và tập bản đồ địa lí 7)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian: 45 phút**  **Ngày thi: 22/12/2020** |

**Mã đề: 702**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất trong phiếu kiểm tra.**

**Câu 1. Môi trường nào sau đây có diện tích lớn nhất ở châu Phi?**

A. Môi trường xích đạo ẩm B. Môi trường nhiệt đới

C. Môi trường hoang mạc D. Môi trường Địa Trung Hải

**Câu 2. Cây cà phê được trồng nhiều ở khu vực nào châu Phi?**

A. Các nước phía Tây và phía Đông

B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi

C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi

D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi

**Câu 3. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia châu Phi là:**

A. Mở rộng mô hình sản xuất.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

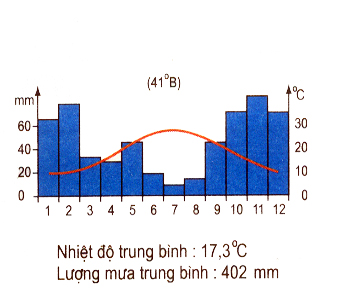
C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 4. Lệ phí qua kênh đào Xuy- ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của quốc gia nào sau đây?**

A. Ma-rốc B. Nam Phi C. Ai Cập D. Công-gô

**Câu 5. Biểu đồ khí hậu (Hình 1) thuộc môi trường nào sau đây?**

**Hình 1**

A. Môi trường nhiệt đới

B. Môi trường Địa Trung Hải

C. Môi trường ôn đới hải dương

D. Môi trường ôn đới lục địa

**Câu 6. Xa-ha-ra là hoang mạc thuộc châu lục nào sau đây?**

A. Châu Á B. Châu Mĩ C. Châu Phi D. Châu Đại Dương

**Câu 7. Ý nào sau đây *không* phải là đặc điểm tự nhiên của môi trường đới lạnh?**

A. Khí hậu rất lạnh B. Hoang mạc sỏi đá

C. Thực vật nghèo nàn D. Băng tuyết quanh năm

**Câu 8. Ở Việt Nam, các dân tộc ít người thuộc các tỉnh phía Bắc thường phân bố ở đâu?**

A. Vùng núi B. Vùng đồng bằng

C. Vùng ven biển D. Vùng thành thị

**Câu 9. Hoang mạc trên thế giới thường phân bố chủ yếu ở đâu?**

A. Dọc hai bên đường xích đạo

B. Dọc hai bên đường chí tuyến và giữa đại lục Á - Âu

C. Dọc hai bên vòng cực

D. Dọc theo đường xích đạo và đường vòng cực

**Câu 10. Nguyên nhân nào nào dẫn đến bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi?**

A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào các thành phố

B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn

C. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh

D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị

**Câu 11. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?**

A. 0,40C B. 0,70C C. 0,50C D. 0,60C

**Câu 12. Đặc điểm khí hậu của châu Phi là:**

A. Nóng và khô bậc nhất thế giới

B. Nóng và ẩm bậc nhất thế giới

C. Khô và lạnh bậc nhất thế giới

D. Lạnh và ẩm bậc nhất thế giới

**Câu 13. Sông nào dài nhất ở châu Phi?**

A. Sông Nin B. Sông Ni-giê

C. Sông Dăm-be-di D. Sông Công-gô

**Câu 14. Đường bờ biển châu Phi *không* có đặc điểm nào sau đây?**

A. Ít bán đảo và đảo B. Ít vịnh biển

C. Ít bị chia cắt D. Có nhiều bán đảo lớn

**Câu 15. Quốc gia nào sau đây ở châu Phi nổi tiếng với các kim tự tháp?**

A. Li-bi B. Ai-Cập C. Ma-rốc D. An-giê-ri

**Câu 16. Ranh giới của đới lạnh nằm trong khoảng nào sau đây?**

A. Từ hai vòng cực đến hai cực

B. Từ 500B đến cực Bắc

C. Từ 500N đến cực Nam

D. Từ hai chí tuyến đến hai cực

**Câu 17. Động vật nào sau đây điển hình cho đới lạnh có bộ lông không thấm nước?**

A. Gấu trắng B. Cáo bạc C. Tuần lộc D. Chim cánh cụt

**Câu 18. Dân số thế giới năm 2019 khoảng:**

A. 5,7 tỉ người B. 6,7 tỉ người C. 7,7 tỉ người D. 8,7 tỉ người

**Câu 19. Châu Phi là châu lục lớn thứ 3 trên thế giới, sau các châu lục nào sau đây?**

A. Châu Á và châu Âu B. Châu Âu và châu Mĩ

C. Châu Mĩ và châu Nam Cực D. Châu Á và châu Mĩ

**Câu 20. Nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ gia tăng dân sô tự nhiên của châu Á giảm nhưng dân số vẫn tăng?**

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển

B. Dân số châu Á đông, gia tăng tự nhiên vẫn còn cao

C. Tỉ lệ nữ nhiều hơn nam

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1( 2 điểm):** Nêu đặc điểm địa hình và khoáng sản châu Phi?

**Câu 2 (1 điểm):** So sánh sự khác biệt giữa môi trường hoang mạc đới nóng và môi trường hoang mạc đới ôn hòa.

**Câu 3 (2 điểm):** Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới:

- Hoa Kì: 20 tấn/năm/ người

- Pháp: 6 tấn/năm/người

***Dựa vào các số liệu trên hãy:***

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp.

**b.** Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, biết dân của các nước như sau:

- Hoa Kì: 281421000 người

- Pháp: 59330000 người

***\*\*\* Chúc các con làm bài tốt\*\*\****

***(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay và tập bản đồ địa lí 7)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian: 45 phút**  **Ngày thi: 22/12/2020** |

**Mã đề: 703**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất trong phiếu kiểm tra.**

**Câu 1. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?**

A. 0,40C B. 0,70C C. 0,50C D. 0,60C

**Câu 2. Đặc điểm khí hậu của châu Phi là:**

A. Nóng và khô bậc nhất thế giới

B. Nóng và ẩm bậc nhất thế giới

C. Khô và lạnh bậc nhất thế giới

D. Lạnh và ẩm bậc nhất thế giới

**Câu 3. Sông nào dài nhất ở châu Phi?**

A. Sông Nin B. Sông Ni-giê

C. Sông Dăm-be-di D. Sông Công-gô

**Câu 4. Đường bờ biển châu Phi *không* có đặc điểm nào sau đây?**

A. Ít bán đảo và đảo B. Ít vịnh biển

C. Ít bị chia cắt D. Có nhiều bán đảo lớn

**Câu 5. Quốc gia nào sau đây ở châu Phi nổi tiếng với các kim tự tháp?**

A. Li-bi B. Ai-Cập C. Ma-rốc D. An-giê-ri

**Câu 6. Xa-ha-ra là hoang mạc thuộc châu lục nào sau đây?**

A. Châu Á B. Châu Mĩ C. Châu Phi D. Châu Đại Dương

**Câu 7. Ý nào sau đây *không* phải là đặc điểm tự nhiên của môi trường đới lạnh?**

A. Khí hậu rất lạnh B. Hoang mạc sỏi đá

C. Thực vật nghèo nàn D. Băng tuyết quanh năm

**Câu 8. Ở Việt Nam, các dân tộc ít người thuộc các tỉnh phía Bắc thường phân bố ở đâu?**

A. Vùng núi B. Vùng đồng bằng

C. Vùng ven biển D. Vùng thành thị

**Câu 9. Hoang mạc trên thế giới thường phân bố chủ yếu ở đâu?**

A. Dọc hai bên đường xích đạo

B. Dọc hai bên đường chí tuyến và giữa đại lục Á - Âu

C. Dọc hai bên vòng cực

D. Dọc theo đường xích đạo và đường vòng cực

**Câu 10. Nguyên nhân nào nào dẫn đến bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi?**

A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào các thành phố

B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn

C. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh

D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị

**Câu 11. Ranh giới của đới lạnh nằm trong khoảng nào sau đây?**

A. Từ hai vòng cực đến hai cực

B. Từ 500B đến cực Bắc

C. Từ 500N đến cực Nam

D. Từ hai chí tuyến đến hai cực

**Câu 12. Động vật nào sau đây điển hình cho đới lạnh có bộ lông không thấm nước?**

A. Gấu trắng B. Cáo bạc C. Tuần lộc D. Chim cánh cụt

**Câu 13. Dân số thế giới năm 2019 khoảng:**

A. 5,7 tỉ người B. 6,7 tỉ người C. 7,7 tỉ người D. 8,7 tỉ người

**Câu 14. Châu Phi là châu lục lớn thứ 3 trên thế giới, sau các châu lục nào sau đây?**

A. Châu Á và châu Âu B. Châu Âu và châu Mĩ

C. Châu Mĩ và châu Nam Cực D. Châu Á và châu Mĩ

**Câu 15. Nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ gia tăng dân sô tự nhiên của châu Á giảm nhưng dân số vẫn tăng?**

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển

B. Dân số châu Á đông, gia tăng tự nhiên vẫn còn cao

C. Tỉ lệ nữ nhiều hơn nam

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới

**Câu 16. Môi trường nào sau đây có diện tích lớn nhất ở châu Phi?**

A. Môi trường xích đạo ẩm B. Môi trường nhiệt đới

C. Môi trường hoang mạc D. Môi trường Địa Trung Hải

**Câu 17. Cây cà phê được trồng nhiều ở khu vực nào châu Phi?**

A. Các nước phía Tây và phía Đông

B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi

C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi

D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi

**Câu 18. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia châu Phi là:**

A. Mở rộng mô hình sản xuất.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

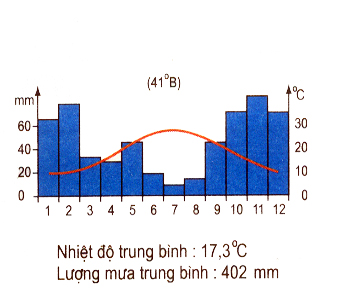
C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 19. Lệ phí qua kênh đào Xuy- ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của quốc gia nào sau đây?**

A. Ma-rốc B. Nam Phi C. Ai Cập D. Công-gô

**Câu 20. Biểu đồ khí hậu (Hình 1) thuộc môi trường nào sau đây?**

**Hình 1**

A. Môi trường nhiệt đới

B. Môi trường Địa Trung Hải

C. Môi trường ôn đới hải dương

D. Môi trường ôn đới lục địa

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1( 2 điểm):** Nêu đặc điểm địa hình và khoáng sản châu Phi?

**Câu 2 (1 điểm):** So sánh sự khác biệt giữa môi trường hoang mạc đới nóng và môi trường hoang mạc đới ôn hòa.

**Câu 3 (2 điểm):** Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới:

- Hoa Kì: 20 tấn/năm/ người

- Pháp: 6 tấn/năm/người

***Dựa vào các số liệu trên hãy:***

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp.

**b.** Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, biết dân của các nước như sau:

- Hoa Kì: 281421000 người

- Pháp: 59330000 người

***\*\*\* Chúc các con làm bài tốt\*\*\****

***(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay và tập bản đồ địa lí 7)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian: 45 phút**  **Ngày thi: 22/12/2020** |

**Mã đề: 704**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất trong phiếu kiểm tra.**

**Câu 1. Xa-ha-ra là hoang mạc thuộc châu lục nào sau đây?**

A. Châu Á B. Châu Mĩ C. Châu Phi D. Châu Đại Dương

**Câu 2. Ý nào sau đây *không* phải là đặc điểm tự nhiên của môi trường đới lạnh?**

A. Khí hậu rất lạnh B. Hoang mạc sỏi đá

C. Thực vật nghèo nàn D. Băng tuyết quanh năm

**Câu 3. Ở Việt Nam, các dân tộc ít người thuộc các tỉnh phía Bắc thường phân bố ở đâu?**

A. Vùng núi B. Vùng đồng bằng

C. Vùng ven biển D. Vùng thành thị

**Câu 4. Hoang mạc trên thế giới thường phân bố chủ yếu ở đâu?**

A. Dọc hai bên đường xích đạo

B. Dọc hai bên đường chí tuyến và giữa đại lục Á - Âu

C. Dọc hai bên vòng cực

D. Dọc theo đường xích đạo và đường vòng cực

**Câu 5. Nguyên nhân nào nào dẫn đến bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi?**

A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào các thành phố

B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn

C. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh

D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị

**Câu 6. Ranh giới của đới lạnh nằm trong khoảng nào sau đây?**

A. Từ hai vòng cực đến hai cực

B. Từ 500B đến cực Bắc

C. Từ 500N đến cực Nam

D. Từ hai chí tuyến đến hai cực

**Câu 7. Động vật nào sau đây điển hình cho đới lạnh có bộ lông không thấm nước?**

A. Gấu trắng B. Cáo bạc C. Tuần lộc D. Chim cánh cụt

**Câu 8. Dân số thế giới năm 2019 khoảng:**

A. 5,7 tỉ người B. 6,7 tỉ người C. 7,7 tỉ người D. 8,7 tỉ người

**Câu 9. Châu Phi là châu lục lớn thứ 3 trên thế giới, sau các châu lục nào sau đây?**

A. Châu Á và châu Âu B. Châu Âu và châu Mĩ

C. Châu Mĩ và châu Nam Cực D. Châu Á và châu Mĩ

**Câu 10. Nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ gia tăng dân sô tự nhiên của châu Á giảm nhưng dân số vẫn tăng?**

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển

B. Dân số châu Á đông, gia tăng tự nhiên vẫn còn cao

C. Tỉ lệ nữ nhiều hơn nam

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới

**Câu 11. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?**

A. 0,40C B. 0,70C C. 0,50C D. 0,60C

**Câu 12. Đặc điểm khí hậu của châu Phi là:**

A. Nóng và khô bậc nhất thế giới

B. Nóng và ẩm bậc nhất thế giới

C. Khô và lạnh bậc nhất thế giới

D. Lạnh và ẩm bậc nhất thế giới

**Câu 13. Sông nào dài nhất ở châu Phi?**

A. Sông Nin B. Sông Ni-giê

C. Sông Dăm-be-di D. Sông Công-gô

**Câu 14. Đường bờ biển châu Phi *không* có đặc điểm nào sau đây?**

A. Ít bán đảo và đảo B. Ít vịnh biển

C. Ít bị chia cắt D. Có nhiều bán đảo lớn

**Câu 15. Quốc gia nào sau đây ở châu Phi nổi tiếng với các kim tự tháp?**

A. Li-bi B. Ai-Cập C. Ma-rốc D. An-giê-ri

**Câu 16. Môi trường nào sau đây có diện tích lớn nhất ở châu Phi?**

A. Môi trường xích đạo ẩm B. Môi trường nhiệt đới

C. Môi trường hoang mạc D. Môi trường Địa Trung Hải

**Câu 17. Cây cà phê được trồng nhiều ở khu vực nào châu Phi?**

A. Các nước phía Tây và phía Đông

B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi

C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi

D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi

**Câu 18. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia châu Phi là:**

A. Mở rộng mô hình sản xuất.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

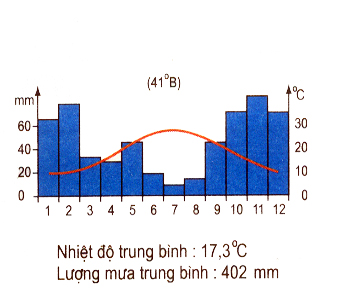
C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 19. Lệ phí qua kênh đào Xuy- ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của quốc gia nào sau đây?**

A. Ma-rốc B. Nam Phi C. Ai Cập D. Công-gô

**Câu 20. Biểu đồ khí hậu (Hình 1) thuộc môi trường nào sau đây?**

**Hình 1**

A. Môi trường nhiệt đới

B. Môi trường Địa Trung Hải

C. Môi trường ôn đới hải dương

D. Môi trường ôn đới lục địa

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1( 2 điểm):** Nêu đặc điểm địa hình và khoáng sản châu Phi?

**Câu 2 (1 điểm):** So sánh sự khác biệt giữa môi trường hoang mạc đới nóng và môi trường hoang mạc đới ôn hòa.

**Câu 3 (2 điểm):** Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới:

- Hoa Kì: 20 tấn/năm/ người

- Pháp: 6 tấn/năm/người

***Dựa vào các số liệu trên hãy:***

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp.

**b.** Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, biết dân của các nước như sau:

- Hoa Kì: 281421000 người

- Pháp: 59330000 người

***\*\*\* Chúc các con làm bài tốt\*\*\****

***(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay và tập bản đồ địa lí 7)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7** |

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

**Mã đề: 701**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | A | D | C | D | B | C | B | A | B | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | D | A | A | D | B | C | A | D | C | B |

**Mã đề: 702**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | C | A | D | C | B | C | B | A | B | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | D | A | A | D | B | A | D | C | D | B |

**Mã đề: 703**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | D | A | A | D | B | C | B | A | B | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | A | D | C | D | B | C | A | D | C | B |

**Mã đề: 704**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | C | B | A | B | A | A | D | C | D | B |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | D | A | A | D | B | C | A | D | C | B |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | \*Địa hình  - Tương đối đơn giản, có thể coi lục địa Phi là khối cao nguyên lớn. Các sơn nguyên và bồn địa xen kẽ  - Đồng bằng ít chủ yếu ở ven biển, rất ít núi cao.  - Hướng nghiêng: Thấp dần từ Đông Nam tới Tây Bắc.  \*Khoáng sản  - Dầu mỏ, khí đốt tập trung ở đồng bằng ven biển Bắc Phi và Tây Phi  - Vàng, kim cương, sắt, đồng…ở Nam Phi và Trung Phi | 0.5 đ  0.25đ  0.25đ  0.5đ  0.5đ |
| **Câu 2**  **(1 điểm)** | So sánh sự khác biệt giữa hoang mạc đới nóng và hoang mạc đới ôn hòa:  - Về nhiệt độ: Hoang mạc đới nóng có nhiệt độ cao hơn  - Về lượng mưa: Hoang mạc đới ôn hòa có lượng mưa lớn hơn | 0.5đ  0.5đ |
| **Câu 3**  **(2 điểm)** | **a**. Vẽ biểu đồ cột, đầy đủ tên biểu đồ, bảng chú giải  **b.** Tổng lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp trong năm 2000 là  - Hoa Kì: 5.628.420.000 tấn  - Pháp: 355.980.000 tấn | 1.5 đ  0.25 đ  0.25đ |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **TPCM**  **Nguyễn T.Hồng Khanh** | **NTCM**  **Nguyễn Thị Thu Hằng** | **Người ra đề**  **Phan Thị Thanh Hường** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian: 45 phút**  **Ngày thi: 22/12/2020** |

**Mã đề: 705 (Đề dự phòng)**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất trong phiếu kiểm tra.**

**Câu 1. Động vật ở đới lạnh thích nghi được với khí hậu khắc nghiệt nhờ:**

A. Có lớp mỡ dày dưới da, bộ lông dày hoặc không thấm nước

B. Kiếm ăn vào ban đêm

C. Chu kì sinh trưởng ngắn

D. Phát triển vào mùa hạ

**Câu 2. Loài động vật điển hình của đới lạnh là:**

A. Chim cánh cụt B. Chim kền kền

C. Chim đại bàng D. Chim ưng

**Câu 3. Dân số thế giới năm 2019 khoảng:**

A. 5,7 tỉ người B. 6,7 tỉ người C. 7,7 tỉ người D. 8,7 tỉ người

**Câu 4. Kênh đào Xuy- ê thông giữa:**

A. Biển Đen với biển Đỏ B. Địa Trung Hải với biển Đỏ

C. Biển Đen với biển Cap-xpi D. Địa Trung Hải với Đại Tây Dương

**Câu 5. Nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ gia tăng dân sô tự nhiên của châu Á giảm nhưng dân số vẫn tăng?**

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển

B. Dân số châu Á đông, gia tăng tự nhiên vẫn còn cao

C. Tỉ lệ nữ nhiều hơn nam

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới

**Câu 6. Hoang mạc Xa-ha-ra phân bố ở:**

A. Nam Phi B. Trung Phi C. Bắc Phi D. Tây Nam châu Phi

**Câu 7. Khi có mưa to kéo dài, ở các sườn núi thường xảy ra:**

A. Lũ quét, sạt lở đất B. Động đất, lũ quét

C. Lũ lụt, ngập úng kéo dài D. Động đất, ngập úng kéo dài

**Câu 8. Ở Việt Nam, các dân tộc ít người thuộc các tỉnh phía Bắc thường phân bố ở đâu?**

A. Vùng núi B. Vùng đồng bằng

C. Vùng ven biển D. Vùng thành thị

**Câu 9. Loài thực vật điển hình của môi trường hoang mạc là:**

A. Rêu B. Địa y C. Thông D. Xương rồng

**Câu 10. Nguyên nhân nào dẫn đến bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi?**

A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào các thành phố

B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn

C. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh

D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị

**Câu 11. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?**

A. 0,40C B. 0,70C C. 0,50C D. 0,60C

**Câu 12. Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là:**

A. Khô nóng B. Lạnh khô C. Nóng ẩm D. Lạnh ẩm

**Câu 13. Sông dài nhất châu Phi, gắn với nền văn minh Ai Cập là sông nào sau đây?**

A. Sông Công-gô B. Sông Ni-giê

C. Sông Nin D. Sông Dăm-be-di

**Câu 14. Xích đạo chạy qua bồn địa nào của châu Phi?**

A. Bồn địa Sát B. Bồn địa Công- gô

C. Bồn địa Nin Thượng D. Bồn địa Ca-la-ha-ri

**Câu 15. Quốc gia nào sau đây ở châu Phi nổi tiếng với các kim tự tháp?**

A. Li-bi B. Ai-Cập C. Ma-rốc D. An-giê-ri

**Câu 16. Cảnh quan nào *không* có ở châu Phi?**

A. Hoang mạc B. Xavan C. Rừng lá kim D. Bán hoang mạc

**Câu 17. Cây cà phê được trồng nhiều ở khu vực nào châu Phi?**

A. Các nước phía Tây và phía Đông

B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi

C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi

D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi

**Câu 18. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia châu Phi là:**

A. Mở rộng mô hình sản xuất.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

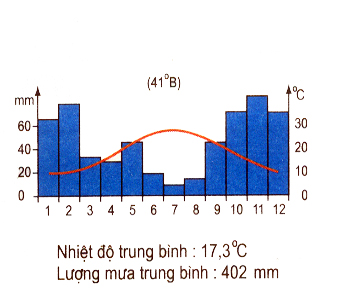
C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 19. Lệ phí qua kênh đào Xuy- ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của quốc gia nào sau đây?**

A. Ma-rốc B. Nam Phi C. Ai Cập D. Công-gô

**Câu 20. Biểu đồ khí hậu (Hình 1) thuộc môi trường nào sau đây?**

**Hình 1**

A. Môi trường nhiệt đới

B. Môi trường Địa Trung Hải

C. Môi trường ôn đới hải dương

D. Môi trường ôn đới lục địa

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** So sánh sự khác biệt giữa môi trường hoang mạc đới nóng và môi trường hoang mạc đới ôn hòa.

**Câu 2 (2 điểm):** Vì sao châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới? Tại sao cùng ở chí tuyến nhưng hoang mạc ở Nam Phi lại có diện tích nhỏ và khí hậu ít khắc nghiệt hơn hoang mạc ở Bắc Phi?

**Câu 3 (2 điểm):** Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới:

- Hoa Kì: 20 tấn/năm/ người

- Pháp: 6 tấn/năm/người

***Dựa vào các số liệu trên hãy:***

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp.

**b.** Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, biết dân của các nước như sau:

- Hoa Kì: 281421000 người

- Pháp: 59330000 người

***\*\*\* Chúc các con làm bài tốt\*\*\****

***(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay và tập bản đồ địa lí 7)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian: 45 phút**  **Ngày thi: 22/12/2020** |

**Mã đề: 706**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất trong phiếu kiểm tra.**

**Câu 1. Cảnh quan nào *không* có ở châu Phi?**

A. Hoang mạc B. Xavan C. Rừng lá kim D. Bán hoang mạc

**Câu 2. Cây cà phê được trồng nhiều ở khu vực nào châu Phi?**

A. Các nước phía Tây và phía Đông

B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi

C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi

D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi

**Câu 3. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia châu Phi là:**

A. Mở rộng mô hình sản xuất.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

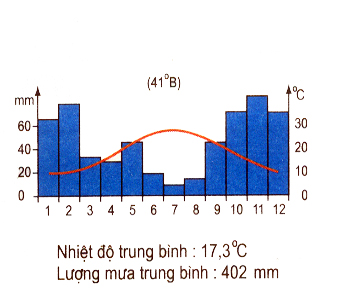
C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 4. Lệ phí qua kênh đào Xuy- ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của quốc gia nào sau đây?**

A. Ma-rốc B. Nam Phi C. Ai Cập D. Công-gô

**Câu 5. Biểu đồ khí hậu (Hình 1) thuộc môi trường nào sau đây?**

**Hình 1**

A. Môi trường nhiệt đới

B. Môi trường Địa Trung Hải

C. Môi trường ôn đới hải dương

D. Môi trường ôn đới lục địa

**Câu 6. Hoang mạc Xa-ha-ra phân bố ở:**

A. Nam Phi B. Trung Phi C. Bắc Phi D. Tây Nam châu Phi

**Câu 7. Khi có mưa to kéo dài, ở các sườn núi thường xảy ra:**

A. Lũ quét, sạt lở đất B. Động đất, lũ quét

C. Lũ lụt, ngập úng kéo dài D. Động đất, ngập úng kéo dài

**Câu 8. Ở Việt Nam, các dân tộc ít người thuộc các tỉnh phía Bắc thường phân bố ở đâu?**

A. Vùng núi B. Vùng đồng bằng

C. Vùng ven biển D. Vùng thành thị

**Câu 9. Loài thực vật điển hình của môi trường hoang mạc là:**

A. Rêu B. Địa y C. Thông D. Xương rồng

**Câu 10. Nguyên nhân nào dẫn đến bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi?**

A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào các thành phố

B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn

C. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh

D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị

**Câu 11. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?**

A. 0,40C B. 0,70C C. 0,50C D. 0,60C

**Câu 12. Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là:**

A. Khô nóng B. Lạnh khô C. Nóng ẩm D. Lạnh ẩm

**Câu 13. Sông dài nhất châu Phi, gắn với nền văn minh Ai Cập là sông nào sau đây?**

A. Sông Công-gô B. Sông Ni-giê

C. Sông Nin D. Sông Dăm-be-di

**Câu 14. Xích đạo chạy qua bồn địa nào của châu Phi?**

A. Bồn địa Sát B. Bồn địa Công- gô

C. Bồn địa Nin Thượng D. Bồn địa Ca-la-ha-ri

**Câu 15. Quốc gia nào sau đây ở châu Phi nổi tiếng với các kim tự tháp?**

A. Li-bi B. Ai-Cập C. Ma-rốc D. An-giê-ri

**Câu 16. Động vật ở đới lạnh thích nghi được với khí hậu khắc nghiệt nhờ:**

A. Có lớp mỡ dày dưới da, bộ lông dày hoặc không thấm nước

B. Kiếm ăn vào ban đêm

C. Chu kì sinh trưởng ngắn

D. Phát triển vào mùa hạ

**Câu 17. Loài động vật điển hình của đới lạnh là:**

A. Chim cánh cụt B. Chim kền kền

C. Chim đại bàng D. Chim ưng

**Câu 18. Dân số thế giới năm 2019 khoảng:**

A. 5,7 tỉ người B. 6,7 tỉ người C. 7,7 tỉ người D. 8,7 tỉ người

**Câu 19. Kênh đào Xuy- ê thông giữa:**

A. Biển Đen với biển Đỏ B. Địa Trung Hải với biển Đỏ

C. Biển Đen với biển Cap-xpi D. Địa Trung Hải với Đại Tây Dương

**Câu 20. Nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ gia tăng dân sô tự nhiên của châu Á giảm nhưng dân số vẫn tăng?**

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển

B. Dân số châu Á đông, gia tăng tự nhiên vẫn còn cao

C. Tỉ lệ nữ nhiều hơn nam

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** So sánh sự khác biệt giữa môi trường hoang mạc đới nóng và môi trường hoang mạc đới ôn hòa.

**Câu 2 (2 điểm):** Vì sao châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới? Tại sao cùng ở chí tuyến nhưng hoang mạc ở Nam Phi lại có diện tích nhỏ và khí hậu ít khắc nghiệt hơn hoang mạc ở Bắc Phi?

**Câu 3 (2 điểm):** Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới:

- Hoa Kì: 20 tấn/năm/ người

- Pháp: 6 tấn/năm/người

***Dựa vào các số liệu trên hãy:***

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp.

**b.** Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, biết dân của các nước như sau:

- Hoa Kì: 281421000 người

- Pháp: 59330000 người

***\*\*\* Chúc các con làm bài tốt\*\*\****

***(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay và tập bản đồ địa lí 7)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian: 45 phút**  **Ngày thi: 22/12/2020** |

**Mã đề: 707**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất trong phiếu kiểm tra.**

**Câu 1. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?**

A. 0,40C B. 0,70C C. 0,50C D. 0,60C

**Câu 2. Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là:**

A. Khô nóng B. Lạnh khô C. Nóng ẩm D. Lạnh ẩm

**Câu 3. Sông dài nhất châu Phi, gắn với nền văn minh Ai Cập là sông nào sau đây?**

A. Sông Công-gô B. Sông Ni-giê

C. Sông Nin D. Sông Dăm-be-di

**Câu 4. Xích đạo chạy qua bồn địa nào của châu Phi?**

A. Bồn địa Sát B. Bồn địa Công- gô

C. Bồn địa Nin Thượng D. Bồn địa Ca-la-ha-ri

**Câu 5. Quốc gia nào sau đây ở châu Phi nổi tiếng với các kim tự tháp?**

A. Li-bi B. Ai-Cập C. Ma-rốc D. An-giê-ri

**Câu 6. Hoang mạc Xa-ha-ra phân bố ở:**

A. Nam Phi B. Trung Phi C. Bắc Phi D. Tây Nam châu Phi

**Câu 7. Khi có mưa to kéo dài, ở các sườn núi thường xảy ra:**

A. Lũ quét, sạt lở đất B. Động đất, lũ quét

C. Lũ lụt, ngập úng kéo dài D. Động đất, ngập úng kéo dài

**Câu 8. Ở Việt Nam, các dân tộc ít người thuộc các tỉnh phía Bắc thường phân bố ở đâu?**

A. Vùng núi B. Vùng đồng bằng

C. Vùng ven biển D. Vùng thành thị

**Câu 9. Loài thực vật điển hình của môi trường hoang mạc là:**

A. Rêu B. Địa y C. Thông D. Xương rồng

**Câu 10. Nguyên nhân nào dẫn đến bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi?**

A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào các thành phố

B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn

C. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh

D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị

**Câu 11. Động vật ở đới lạnh thích nghi được với khí hậu khắc nghiệt nhờ:**

A. Có lớp mỡ dày dưới da, bộ lông dày hoặc không thấm nước

B. Kiếm ăn vào ban đêm

C. Chu kì sinh trưởng ngắn

D. Phát triển vào mùa hạ

**Câu 12. Loài động vật điển hình của đới lạnh là:**

A. Chim cánh cụt B. Chim kền kền

C. Chim đại bàng D. Chim ưng

**Câu 13. Dân số thế giới năm 2019 khoảng:**

A. 5,7 tỉ người B. 6,7 tỉ người C. 7,7 tỉ người D. 8,7 tỉ người

**Câu 14. Kênh đào Xuy- ê thông giữa:**

A. Biển Đen với biển Đỏ B. Địa Trung Hải với biển Đỏ

C. Biển Đen với biển Cap-xpi D. Địa Trung Hải với Đại Tây Dương

**Câu 15. Nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ gia tăng dân sô tự nhiên của châu Á giảm nhưng dân số vẫn tăng?**

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển

B. Dân số châu Á đông, gia tăng tự nhiên vẫn còn cao

C. Tỉ lệ nữ nhiều hơn nam

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới

**Câu 16. Cảnh quan nào *không* có ở châu Phi?**

A. Hoang mạc B. Xavan C. Rừng lá kim D. Bán hoang mạc

**Câu 17. Cây cà phê được trồng nhiều ở khu vực nào châu Phi?**

A. Các nước phía Tây và phía Đông

B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi

C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi

D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi

**Câu 18. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia châu Phi là:**

A. Mở rộng mô hình sản xuất.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

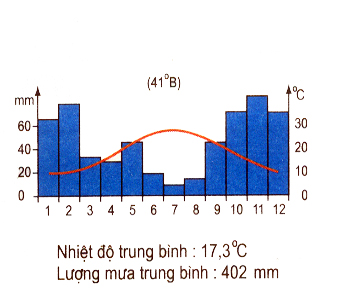
C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 19. Lệ phí qua kênh đào Xuy- ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của quốc gia nào sau đây?**

A. Ma-rốc B. Nam Phi C. Ai Cập D. Công-gô

**Câu 20. Biểu đồ khí hậu (Hình 1) thuộc môi trường nào sau đây?**

**Hình 1**

A. Môi trường nhiệt đới

B. Môi trường Địa Trung Hải

C. Môi trường ôn đới hải dương

D. Môi trường ôn đới lục địa

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** So sánh sự khác biệt giữa môi trường hoang mạc đới nóng và môi trường hoang mạc đới ôn hòa.

**Câu 2 (2 điểm):** Vì sao châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới? Tại sao cùng ở chí tuyến nhưng hoang mạc ở Nam Phi lại có diện tích nhỏ và khí hậu ít khắc nghiệt hơn hoang mạc ở Bắc Phi?

**Câu 3 (2 điểm):** Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới:

- Hoa Kì: 20 tấn/năm/ người

- Pháp: 6 tấn/năm/người

***Dựa vào các số liệu trên hãy:***

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp.

**b.** Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, biết dân của các nước như sau:

- Hoa Kì: 281421000 người

- Pháp: 59330000 người

***\*\*\* Chúc các con làm bài tốt\*\*\****

***(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay và tập bản đồ địa lí 7)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7**  **Thời gian: 45 phút**  **Ngày thi: 22/12/2020** |

**Mã đề: 708**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất trong phiếu kiểm tra.**

**Câu 1. Hoang mạc Xa-ha-ra phân bố ở:**

A. Nam Phi B. Trung Phi C. Bắc Phi D. Tây Nam châu Phi

**Câu 2. Khi có mưa to kéo dài, ở các sườn núi thường xảy ra:**

A. Lũ quét, sạt lở đất B. Động đất, lũ quét

C. Lũ lụt, ngập úng kéo dài D. Động đất, ngập úng kéo dài

**Câu 3. Ở Việt Nam, các dân tộc ít người thuộc các tỉnh phía Bắc thường phân bố ở đâu?**

A. Vùng núi B. Vùng đồng bằng

C. Vùng ven biển D. Vùng thành thị

**Câu 4. Loài thực vật điển hình của môi trường hoang mạc là:**

A. Rêu B. Địa y C. Thông D. Xương rồng

**Câu 5. Nguyên nhân nào dẫn đến bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi?**

A. Gia tăng dân số tự nhiên cao, di dân ồ ạt vào các thành phố

B. Di dân ồ ạt vào các thành phố lớn

C. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh

D. Sự phát triển đa dạng của ngành dịch vụ ở đô thị

**Câu 6. Động vật ở đới lạnh thích nghi được với khí hậu khắc nghiệt nhờ:**

A. Có lớp mỡ dày dưới da, bộ lông dày hoặc không thấm nước

B. Kiếm ăn vào ban đêm

C. Chu kì sinh trưởng ngắn

D. Phát triển vào mùa hạ

**Câu 7. Loài động vật điển hình của đới lạnh là:**

A. Chim cánh cụt B. Chim kền kền

C. Chim đại bàng D. Chim ưng

**Câu 8. Dân số thế giới năm 2019 khoảng:**

A. 5,7 tỉ người B. 6,7 tỉ người C. 7,7 tỉ người D. 8,7 tỉ người

**Câu 9. Kênh đào Xuy- ê thông giữa:**

A. Biển Đen với biển Đỏ B. Địa Trung Hải với biển Đỏ

C. Biển Đen với biển Cap-xpi D. Địa Trung Hải với Đại Tây Dương

**Câu 10. Nguyên nhân nào làm cho tỉ lệ gia tăng dân sô tự nhiên của châu Á giảm nhưng dân số vẫn tăng?**

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển

B. Dân số châu Á đông, gia tăng tự nhiên vẫn còn cao

C. Tỉ lệ nữ nhiều hơn nam

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới

**Câu 11. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?**

A. 0,40C B. 0,70C C. 0,50C D. 0,60C

**Câu 12. Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là:**

A. Khô nóng B. Lạnh khô C. Nóng ẩm D. Lạnh ẩm

**Câu 13. Sông dài nhất châu Phi, gắn với nền văn minh Ai Cập là sông nào sau đây?**

A. Sông Công-gô B. Sông Ni-giê

C. Sông Nin D. Sông Dăm-be-di

**Câu 14. Xích đạo chạy qua bồn địa nào của châu Phi?**

A. Bồn địa Sát B. Bồn địa Công- gô

C. Bồn địa Nin Thượng D. Bồn địa Ca-la-ha-ri

**Câu 15. Quốc gia nào sau đây ở châu Phi nổi tiếng với các kim tự tháp?**

A. Li-bi B. Ai-Cập C. Ma-rốc D. An-giê-ri

**Câu 16. Cảnh quan nào *không* có ở châu Phi?**

A. Hoang mạc B. Xavan C. Rừng lá kim D. Bán hoang mạc

**Câu 17. Cây cà phê được trồng nhiều ở khu vực nào châu Phi?**

A. Các nước phía Tây và phía Đông

B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi

C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi

D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi

**Câu 18. Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia châu Phi là:**

A. Mở rộng mô hình sản xuất.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

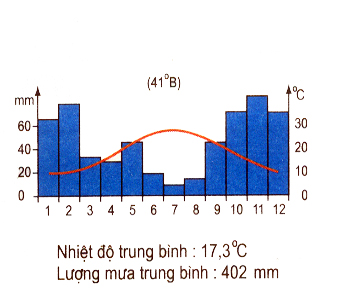
C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 19. Lệ phí qua kênh đào Xuy- ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của quốc gia nào sau đây?**

A. Ma-rốc B. Nam Phi C. Ai Cập D. Công-gô

**Câu 20. Biểu đồ khí hậu (Hình 1) thuộc môi trường nào sau đây?**

**Hình 1**

A. Môi trường nhiệt đới

B. Môi trường Địa Trung Hải

C. Môi trường ôn đới hải dương

D. Môi trường ôn đới lục địa

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** So sánh sự khác biệt giữa môi trường hoang mạc đới nóng và môi trường hoang mạc đới ôn hòa.

**Câu 2 (2 điểm):** Vì sao châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới? Tại sao cùng ở chí tuyến nhưng hoang mạc ở Nam Phi lại có diện tích nhỏ và khí hậu ít khắc nghiệt hơn hoang mạc ở Bắc Phi?

**Câu 3 (2 điểm):** Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới:

- Hoa Kì: 20 tấn/năm/ người

- Pháp: 6 tấn/năm/người

***Dựa vào các số liệu trên hãy:***

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp.

**b.** Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, biết dân của các nước như sau:

- Hoa Kì: 281421000 người

- Pháp: 59330000 người

***\*\*\* Chúc các con làm bài tốt\*\*\****

***(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay và tập bản đồ địa lí 7)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học: 2020-2021** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 7** |

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

**Mã đề: 705 ( đề dự phòng)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | A | A | C | B | B | C | A | A | D | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | D | A | C | B | B | C | A | D | C | B |

**Mã đề: 706**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | C | A | D | C | B | C | A | A | D | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | D | A | C | B | B | A | A | C | B | B |

**Mã đề: 707**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | D | A | C | B | B | C | A | A | D | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | A | A | C | B | B | C | A | D | C | B |

**Mã đề: 708**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | C | A | A | D | D | A | A | C | B | B |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | D | A | C | B | B | C | A | D | C | B |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1**  **(1 điểm)** | So sánh sự khác biệt giữa hoang mạc đới nóng và hoang mạc đới ôn hòa:  - Về nhiệt độ: Hoang mạc đới nóng có nhiệt độ cao hơn  - Về lượng mưa: Hoang mạc đới ôn hòa có lượng mưa lớn hơn | 0.5đ  0.5đ |
| **Câu 2**  **(2 điểm)** | \*Nguyên nhân:  - Nằm giữa hai chí tuyến  - Quanh năm chịu ảnh hưởng của khối khí chí tuyến lục địa, mưa rất ít  - Bờ biển ít bị cắt xẻ, lục địa hình khối rộng lớn, ảnh hưởng của biển không ăn sâu vào đất liền  - Ảnh hưởng của dòng biển lạnh chảy ven bờ.  \*Giải thích  - Vì Nam Phi hẹp hơn Bắc Phi  - Có 3 mặt giáp biển, phía đông có dòng biển nóng , có gió đông nam thổi từ đại dương vào. | 0,5đ  0.25đ  0.5đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ |
| **Câu 3**  **(2 điểm)** | **a**. Vẽ biểu đồ cột, đầy đủ tên biểu đồ, bảng chú giải  **b.** Tổng lượng khí thải của Hoa Kì và Pháp trong năm 2000 là  - Hoa Kì: 5.628.420.000 tấn  - Pháp: 355.980.000 tấn | 1.5 đ  0.25 đ  0.25đ |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **TPCM**  **Nguyễn T.Hồng Khanh** | **NTCM**  **Nguyễn Thị Thu Hằng** | **Người ra đề**  **Phan Thị Thanh Hường** |